

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 29-11-2019
V/v chia tài sản chung sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Các thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Ông Hồ Dương Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2019, về “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2019/HNGĐ-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2019/QĐ-PT, ngày 06 tháng 11 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị A, sinh năm 1981; cư trú tại: Tổ A1, ấp A2, xã A3, huyện A4, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Đinh Thị A: Ông Nguyễn Văn T, là Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Bảo Pháp, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ: Số T1 đường T2, khu phố T3, phường T4, thành phố T5, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979; cư trú tại: Tổ Đ1, ấp Đ2, xã A3, huyện A4, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971; vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ N1, ấp N2, xã A3, huyện A4, tỉnh Tây Ninh.

- Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2019, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị A trình bày:

Chị và anh Đ sống chung từ năm 1998 đến năm 2018 thì ly hôn. Trong quá trình sống chung chị và anh Đ có tạo dựng một số tài sản chung gồm:

1. Phần đất thứ nhất, có diện tích 8.839 m², thuộc thửa 104, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp 4, xã A3, huyện A4; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị và anh Đ đứng tên. Trên đất có trồng cây cao su 01 năm tuổi. Nguồn gốc đất do cha mẹ anh Đ tặng cho sau khi chị và anh Đ kết hôn;

2. Phần đất thứ hai, có diện tích 5.010,4 m², thuộc thửa 107, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp 5, xã A3, huyện A4, Tây Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị và anh Đ đứng tên. Trên đất có trồng cây cao su 01 năm tuổi. Nguồn gốc đất do cha mẹ anh Đ tặng cho sau khi chị và anh Đ kết hôn;

3. 01 (một) căn nhà cấp 4, được xây dựng trên đất của bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn N;

4. 01 (một) bộ bàn ghế salon gỗ giá ty (anh Đ đã bán cho người khác sau khi ly hôn);

5. 01 (một) bộ bàn ghế gỗ tròn;

6. 01 (một) tủ thờ (gỗ cây mít);

7. 01 (một) ti vi siêu mỏng 42 in hiệu Sam sung;

8. 01 (một) tủ lạnh hiệu Hitachi;

9. 01 (một) máy giặt hiệu Toshiba;

10. 01 (một) dàn máy nước nóng lạnh năng lượng mặt trời.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chị A không yêu cầu chia 01 (một) căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất của bà Th, ông N; 01 (một) dàn máy nước nóng lạnh năng lượng mặt trời.

Nay chị khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung gồm: 01 (một) phần đất có diện tích 8.839 m², thửa đất 104, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp 4, xã A3, huyện A4, trên đất có trồng cây cao su 01 năm tuổi; 01 (một) phần đất có diện tích 5.010,4 m², thửa đất 107, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp 5, xã A3, huyện A4, trên đất có trồng cây cao su 01 năm tuổi; 01 (một) bộ bàn ghế salon gỗ giá ty; 01 (một) bộ bàn ghế gỗ tròn; 01 (một) tủ thờ; 01 ti vi siêu mỏng 42 in hiệu Sam sung; 01 (một) tủ lạnh hiệu Hitachi; 01 (một) máy giặt hiệu Toshiba.

Chị có nguyện vọng được chia tài sản là hiện vật; cụ thể, chị yêu cầu được chia phần đất có diện tích 8.839 m², thuộc thửa 104, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp 4, xã A3, huyện A4; các tài sản còn lại giao cho anh Đ quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Chị và anh Đ không có nợ ai và cũng không có ai nợ chị, anh Đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 5 năm 2019, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh Đ thống nhất với các tài sản như chị A trình bày. Tuy nhiên, trong khối tài sản mà chị A trình bày có tài sản riêng của anh Đ cha mẹ anh tặng cho riêng anh trong thời kỳ hôn nhân, gồm: 01 (một) phần đất có diện tích 8.839 m², thuộc thửa 104, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp 4, xã A3, huyện A4, trên đất có trồng cây cao su 01 năm tuổi và 01 (một) phần đất có diện tích 5.010,4 m², thuộc thửa 107, tờ bản đồ số 73, tọa lạc tại ấp 5, xã A3, huyện A4, trên đất có trồng cây cao su 01 năm tuổi. Các tài sản còn lại như chị A trình bày là tài sản chung của anh và chị A.

Nay anh không chấp nhận việc chị A yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất đối với 02 (hai) phần đất nêu trên và tài sản có trên đất, vì đây là tài sản riêng của anh.

Anh đồng ý chia các tài sản chung còn lại theo quy định của pháp luật như chị A trình bày. Hiện tại, các tài sản này anh đang quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Anh và chị A không có nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà là chị của anh Đ; khoảng năm 1997, bà được cha mẹ tặng cho phần đất có diện tích 4.125 m², thửa đất 526, tờ bản 13, đất tọa lạc tại ấp 6, xã A3, huyện A4. Năm 2008, chị A và anh Đ có xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất này.

Việc chị A và anh Đ chia tài sản chung bà không có ý kiến và bà không có nhu cầu sử dụng căn nhà này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Th, thống nhất theo lời trình bày của bà Th.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2019/HNGĐ-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị A đối với anh Nguyễn Văn Đ, về “Chia tài sản chung sau ly hôn”;

Chia cho anh Nguyễn Văn Đ được quyền sở hữu, sử dụng: Phần đất có diện tích 5.010,4 m² và 250 cây cao su 01 năm tuổi; 01 bộ bàn ghế salon gỗ giá ty; 01 bộ bàn ghế gỗ tròn; 01 tủ thờ; 01 ti vi siêu mỏng 42 in hiệu Sam sung; 01 tủ lạnh hiệu Hitachi; 01 máy giặt hiệu Toshiba.

Chia cho chị Đinh Thị A được quyền quản lý, sử dụng: Phần đất có diện tích 8.839 m² và 480 cây cao su 01 năm tuổi.

Chị A phải thanh toán (trả) cho anh Đ số tiền chênh lệch là 227.788.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị A về việc chia tài sản là 01 căn nhà xây cấp 4, xây chưa tô và 01 dàn máy nước nóng năng lượng mặt trời.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23-9-2019, anh Đ kháng cáo yêu cầu được quyền sử dụng phần đất có diện tích 8.839 m² và 480 cây cao su trên đất; anh Đ sẽ thanh toán (trả) cho chị A số tiền 350.000.000 đồng là trị giá tài sản chung mà chị A được chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ, anh Đ đồng ý với cách phân chia tài sản chung giữa anh Đ với chị A như cấp sơ thẩm đã tuyên, nhưng anh Đ yêu cầu được nhận toàn hết hai phần đất và thanh toán cho chị A bằng giá trị đất. Xét thấy:

Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Đ và chị A bao gồm: Phần đất có diện tích 8.839 m² và 480 cây cao su trên đất; phần đất có diện tích 5.010,4 m² và 250 cây cao su trên đất. Ngoài ra, còn có các tài sản khác gồm tivi, tủ lạnh, bàn ghế, máy giặt, bộ salon.

Sau khi ly hôn với anh Đ, hiện tại chị A chưa có chỗ ở ổn định và nuôi con nhỏ là cháu Nguyễn Minh Chí; do đó Tòa án cấp sơ thẩm giao cho chị A được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 8.839 m² và 480 cây cao su trên đất để chị A canh tác, sản xuất, tạo thu nhập để đảm bảo cuộc sống của chị A và đảm bảo điều kiện để chị A nuôi con nhỏ là phù hợp; đồng thời, án sơ thẩm đã chia cho anh Đ được hưởng Phần đất có diện tích 5.010,4 m²; 250 cây cao su 01 năm tuổi trồng trên đất và toàn bộ các tài sản khác; do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đ; chấp nhận lời trình bày của chị A và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị A; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ.
3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2019/HNGĐ-ST, ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
4. Căn cứ vào Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 165, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,
5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị A đối với anh Nguyễn Văn Đ, về “Chia tài sản chung sau ly hôn”;

5.1. Chia cho anh Nguyễn Văn Đ được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

- 01 (một) phần đất diện tích 5.010,4 m², thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 73, có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa đất số 46, hướng Tây giáp thửa đất số 24, hướng Nam giáp thửa đất số 38, 39, hướng Bắc giáp thửa đất số 03; đất tọa lạc tại ấp 5, xã A3, huyện A4, Tây Ninh và 250 cây cao su 01 năm tuổi.

- Giá trị 01 bộ bàn ghế salon gỗ giá trị (trị giá 40.000.000 đồng);
- 01 bộ bàn ghế gỗ tròn;
- 01 tủ thờ;
- 01 ti vi siêu mỏng 42 in hiệu Sam sung;
- 01 tủ lạnh hiệu Hitachi;
- 01 máy giặt hiệu Toshiba.

5.2. Chia cho chị Đinh Thị A được quyền quản lý, sử dụng: 01 (một) phần đất có diện tích 8.839 m², thửa đất số 104, tờ bản đồ số 73, có tứ cận: Hướng Đông giáp thửa đất số 130, hướng Tây giáp suối, hướng Nam giáp thửa đất số 145, hướng Bắc giáp thửa đất số 102; đất tọa lạc tại ấp 4, xã A3, huyện A4, Tây Ninh và 480 cây cao su 01 năm tuổi.

5.3. Buộc chị Đinh Thị A có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 227.788.000 (hai trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Nguyễn Văn Đ cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Đinh Thị A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Đình Thị A về việc chia tài sản là 01 căn nhà xây cấp 4, xây chưa tô và 01 dàn máy nước nóng năng lượng mặt trời.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1. Chị Đình Thị A phải chịu 16.807.600 (mười sáu triệu tám trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.125.000 (bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng mà chị A đã nộp theo biên lai thu số 0015022 ngày 25/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị A phải nộp tiếp số tiền 9.682.600 (chín triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm) đồng tiền án phí.

7.2. Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 31.931.500 (ba mươi một triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về chi phí thẩm định giá: Chị Đình Thị A phải chịu 960.000 (chín trăm sáu mươi nghìn) đồng, anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng. Do chị A đã tạm ứng chi phí này nên anh Đ phải trả lại cho chị A số tiền 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng chi phí định giá tài sản.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0015856 ngày 23-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Tân Châu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Quốc Tuấn